TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1180/2023/LĐ-PT
Ngày: 13-12-2023
V/v Tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động về tiền lương, bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thoa

Bà Phạm Thị Thanh Trúc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/11/2023 và 13/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2023/TLPT-LĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, về việc: "Tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động về tiền lương, bảo hiểm xã hội".

Do bản án lao động sơ thẩm số 46/2023/LĐ-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4651/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15245/2023/QĐ-PT ngày 07/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thiên T, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số B đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Công ty TNHH S; Địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo pháp luật.

– *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thiên T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thiên T đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng lao động số 01-18A/HĐLĐVND năm 2019 loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm từ ngày 01/9/2019 đến ngày 31/8/2020; Chức danh chuyên môn: Kế toán tổng hợp; Mức lương chính hoặc tiền công: 6.000.000 đồng/tháng và Hợp đồng lao động số 03- 21A/HĐLĐ/VND ngày 01/01/2021 loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn 01 năm từ ngày 01/9/2021; Chức danh chuyên môn: Kế toán trưởng; Mức lương chính hoặc tiền công: 6.000.000 đồng/tháng, tiền thưởng theo KPI, tổng thu nhập 20.000.000 đồng/tháng.

Trong hơn hai năm làm việc, bị đơn nhiều lần chậm trễ lương, các tháng 6, 7, 8, 9/2021 nghỉ dịch Covid-19 không lương, tháng 11/2021 mới thanh toán tiền lương tháng 5/2021. Đến tháng 12/2021, nguyên đơn có xin nghỉ việc và sẽ làm đến tháng 3/2022 để làm xong báo cáo tài chính. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn trả lương cho nguyên đơn bằng tiền mặt và chuyển khoản.

Nguyên đơn có đơn xin nghỉ việc và bị đơn có Quyết định số 001/2022/QĐTV-VND ngày 31/3/2022 cho nguyên đơn nghỉ việc kể từ ngày 31/3/2022, lương và phụ cấp (nếu có) được chi trả tính đến ngày chấm dứt hợp đồng lao động.

Bị đơn hiện còn nợ nguyên đơn 17.534.341 đồng tiền lương tháng 11/2021 và 18.993.000 đồng tiền lương tháng 12/2021; đã trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng ngày 31/12/2021 và 20.000.000 đồng ngày 28/01/2022. Đến thời điểm nguyên đơn nghỉ việc, bị đơn vẫn nợ nguyên đơn 52.633.055 đồng tiền lương, gồm: 6.527.341 đồng tiền lương tháng 12/2021; 18.388.714 đồng tiền lương tháng 01/2022; 17.717.000 đồng tiền lương tháng 02/2022 và 10.000.000 đồng tiền lương tháng 3/2022. Ngày 10/5/2023, bị đơn đã bàn giao cho nguyên đơn bản chính tờ rời Quá trình đóng BHXH ngày 06/4/2022 của B.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 52.633.055 đồng tiền lương còn nợ từ tháng 12/2021 đến tháng 3/2022 (Gồm: 6.527.341 đồng tiền lương tháng 12/2021; 18.388.714 đồng tiền lương tháng 01/2022; 17.717.000 đồng tiền lương tháng 02/2022 và 10.000.000 đồng tiền lương tháng 3/2022) và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2022, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Ông Nguyễn Hoàng D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày tại văn bản đề ngày 09/5/2023: Nguyên đơn làm kế toán cho bị đơn và được sự chỉ đạo của Giám đốc làm công việc kế toán của Công ty S, nhưng khi nghỉ việc đã không bàn

giao sổ sách kế toán của ba công ty, mức xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không in sổ kế toán là 12.000.000 đồng và công ty phải in sổ sách kế toán để khắc phục hậu quả. Nguyên đơn không hoàn thành trách nhiệm của một kế toán: không cân đối sổ sách, không lấy hóa đơn, chi phí dẫn đến công ty phải nộp thuế 72.614.900 đồng. Nguyên đơn không cung cấp mật khẩu đăng nhập, dẫn đến HTX gặp khó khăn trong quá trình đăng nhập vào email để thay đổi thông tin.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thanh toán tiền lương từ tháng 12/2021 đến tháng 3/2022 nhưng điều chỉnh theo mức lương 6.000.000 đồng/tháng và buộc bị đơn đóng BHXH từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2022, chốt sổ BHXH cho nguyên đơn.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 46/2023/LĐ-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 22 của Bộ luật Lao động năm 2012; Khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điểm a khoản 1 Điều 2, khoản 1, khoản 2 Điều 21, Điều 85 và Điều 86 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 13 của Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 43 của Luật Việc làm năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thiên T

1.1. Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thiên T 4.000.000 đồng tiền lương còn nợ từ tháng 12/2021 đến hết tháng 3/2022.

1.2. Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Nguyễn Thiên T (phần của người sử dụng lao động và phần của người lao động) từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/3/2022 tại cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội có thẩm quyền theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế và Luật Việc làm; mức lương làm cơ sở đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc cho bà Nguyễn Thiên T là 6.000.000 đồng/tháng.

1.3 Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thiên T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thiên T về việc yêu cầu Công ty TNHH S thanh toán tiền lương tháng 11/2021 còn nợ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thiên T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH S phải chịu 2.028.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kế từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự, quyền kháng nghị của Viện kiểm sát và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 04/7/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thiên T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T đối với Công ty TNHH S, gồm:

Công ty TNHH S phải trả cho bà T số tiền 52.633.055 đồng tiền lương còn nợ từ tháng 12/2021 đến tháng 3/2022 (Gồm: 6.527.341 đồng tiền lương tháng 12/2021; 18.388.714 đồng tiền lương tháng 01/2022; 17.717.000 đồng tiền lương tháng 02/2022 và 10.000.000 đồng tiền lương tháng 3/2022) và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2022, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Lý do của việc kháng cáo: Bà T cho rằng bà là kế toán trưởng của Công ty TNHH S, Công ty N của thời gian bà làm việc 03 tháng với tổng số tiền là 52.633.055 đồng. Bà đã nộp đầy đủ chứng cứ nhưng án sơ thẩm chỉ chấp nhận buộc Công ty trả cho bà 4.000.000 đồng tiền lương còn nợ là chưa đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bà T xác định chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu buộc Công ty phải trả cho bà 52.633.055 đồng tiền lương còn nợ, các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm bà không yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty TNHH S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Phía bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là trong hạn luật quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ Hợp đồng lao động giao kết giữa bà T với Công ty; Căn cứ lời khai nhận của đương sự thể hiện lương của bà T là 6.000.000 đồng/tháng; số tiền 14.000.000 đồng là khoản thu nhập tăng thêm gồm tiền ăn trưa, điện thoại, hỗ trợ đi lại, hỗ trợ nuôi con nhỏ, hiệu quả công việc. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T theo mức lương 6.000.000 đồng/tháng là có căn cứ.

Do bà T không cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 46/2023/LĐ-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 21/6/2023, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Ngày 04/7/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thiên T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thiên T được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty TNHH S vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 07/11/2023, nguyên đơn bà T có mặt; Tại phiên tòa ngày 13/12/2023 bà T xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét kháng cáo của nguyên đơn về nội dung buộc Công ty TNHH S phải trả cho bà T số tiền 52.633.055 đồng là tiền lương còn nợ từ tháng 12/2021 đến tháng 3/2022 (Gồm: 6.527.341 đồng tiền lương tháng 12/2021; 18.388.714 đồng tiền lương tháng 01/2022; 17.717.000 đồng tiền lương tháng 02/2022 và 10.000.000 đồng tiền lương tháng 3/2022), số tiền trên đã trừ đi các khoản tiền bà T phải đóng Bảo hiểm xã hội và thuế thu nhập cá nhân:

Xét trình bày của nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận tiền lương hàng tháng của nguyên đơn là 6.000.000 đồng/tháng là không đúng với thỏa thuận của hợp đồng lao động và thực tế hàng tháng nguyên đơn làm việc đều được nhận tiền lương là 20.000.000 đồng/tháng (chưa trừ các khoản tiền bà T phải đóng Bảo hiểm xã

hội và thuế thu nhập cá nhân) với chức danh là kế toán trưởng Công ty. Ngoài ra, giữa nguyên đơn với Công ty đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động mà không có tranh chấp về chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty cũng xác định rõ tiền lương của nguyên đơn sẽ được chi trả cho đến ngày chấm dứt hợp đồng lao động 31/3/2022.

Xét nguyên đơn đã bổ sung thêm chứng cứ là chi tiết bảng lương hàng tháng của Công ty cũng như việc trình bày rõ lại tiền lương thực lãnh thông qua chứng cứ là sao kê của ngân hàng mà phía nguyên đơn đã cung cấp tại cấp sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và chứng cứ bổ sung của nguyên đơn tại cấp phúc thẩm, nhận thấy:

- Cấp sơ thẩm xác định phía công ty còn nợ tiền lương đối với bà T, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng chỉ chấp nhận mức tiền lương hàng tháng của bà T là 6.000.000 đồng/tháng căn cứ vào hợp đồng lao động và xác nhận tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là chưa đúng pháp luật, bởi lẽ:

+ Căn cứ hợp đồng lao động số 03-21A/HĐLĐ/VND ngày 01/01/2021 kỷ kết giữa Công ty với bà T thể hiện tiền lương tổng thu nhập của bà T là 20.000.000 đồng/tháng;

+ Căn cứ Quyết định cho thôi việc số 001/2022/QĐTV-VND ngày 31/3/2022 của Công ty xác định bà T được chi trả tiền lương đến hết ngày 31/3/2022;

+ Căn cứ Biên bản hòa giải tranh chấp lao động của hòa giải viên lao động tại Phòng L ngày 09/6/2022 thể hiện: Người lao động là bà T yêu cầu Công ty trả tiền nợ lương đến tháng 3/2022 số tiền là 52.633.055 đồng. Đại diện Công ty không có ý kiến phản đối việc nợ lương của bà T mà chỉ có ý kiến cụ thể như sau: "Đại diện công ty cho biết bà T phải thực hiện đầy đủ các công việc về báo cáo thuế và bàn giao tất cả công việc liên quan thì công ty thực hiện nhiệm vụ và thanh toán tiền lương". Kết quả hòa giải lao động không thành;

+ Căn cứ các bản kê giao dịch tài khoản ngân hàng của bà T tại Ngân hàng TMCP Á Chi nhánh T1, phòng G từ ngày 01/8/2019 đến ngày 20/10/2022 thể hiện bà T hàng tháng nhận tiền lương với mức tiền lương là 20.000,000 đồng/tháng;

+ Căn cứ tài liệu tham khảo là bản sao tin nhắn thư điện tử mạng xã hội internet do bà T cung cấp có thể hiện từ ngày 21/02/2022 đến ngày 13/5/2022 bà T có yêu cầu giám đốc công ty trả tiền lương còn thiếu nhưng công ty không phản đối mà có nêu khó khăn và sẽ trả hết khi công ty ổn định (Tin nhắn này chỉ tham khảo vì chưa được đối chất và xác nhận của bị đơn cũng như không được lập vi bằng khi trích xuất);

+ Căn cứ tài liệu tham khảo là bảng lương tháng của công ty có tên bà T do bà T cung cấp khi bà T làm kế toán Công ty có thể hiện ngày giờ công làm việc, tiền lương thực lãnh đã trừ BHXH, BHYT, BHTN, thuế thu nhập cá nhân (với mức lương 20.000.000 đồng/tháng).

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định tiền lương hàng tháng của bà T là 20.000.000 đồng/tháng, bà T làm việc đến ngày 31/3/2022 tại công ty. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T buộc công ty N còn nợ bà T từ tháng 11/2021 đến tháng 3/2022 là 52.633.055 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến cho rằng tiền lương theo hợp đồng của bà T chỉ là 6.000.000 đồng/tháng, số tiền 14.000.000 đồng/tháng là tiền thu nhập tăng thêm gồm tiền ăn trưa, điện thoại, hỗ trợ đi lại, hỗ trợ nuôi con nhỏ, hiệu quả công việc...nên không được tính là tiền lương. Trong vụ án này, bà T buộc Công ty phải trả tiền lương còn nợ của thời gian làm việc thực tế của bà T tại Công ty, không phải là tiền bồi thường trong tranh chấp về lao động. Do đó, đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát là không có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm tăng thêm số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn nên án phí sơ thẩm phía Công ty phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 1.578.991 đồng.

Cấp sơ thẩm cần lưu ý áp dụng đúng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để buộc đương sự phải chịu án phí đúng theo quy định (Cấp sơ thẩm trong vụ án này buộc Công ty phải chịu án phí là 2.028.000 đồng là chưa đúng).

Về án phí phúc thẩm: Bà T được miễn án phí lao động phúc thẩm, Công ty không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 293 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thiên T. Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số số 46/2023/LĐ-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thiên T

1.1. Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thiên T số tiền 52.633.055 đồng (Năm mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng) là tiền lương còn nợ từ tháng 11/2021 đến hết tháng 3/2022.

1.2. Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho bà Nguyễn Thiên T (phần của người sử dụng lao động và phần của người lao động) từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/3/2022 tại cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội có thẩm quyền theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế và Luật Việc làm; mức lương làm cơ sở đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc cho bà Nguyễn Thiên T là 6.000.000 đồng/tháng.

1.3 Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thiên T.

Thi hành nghĩa vụ trả tiền và thi hành các nghĩa vụ trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thiên T được miễn án phí lao động sơ thẩm. Công ty TNHH S phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.578.991 đồng (Một triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi mốt đồng).

2.2 Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thiên T được miễn án phí lao động phúc thẩm. Công ty TNHH S không phải nộp án phí lao động phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Quận 1;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng